TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc L - Tự do - Hạnh Pc**

Bản án số: 13/2023/HS-ST
Ngày 15/02/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HÓA

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Công
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sâm
Ông Lê Đăng Thiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xuân Long - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2023;

Đối với các bị cáo:

1. **Hồ Đức T**, sinh ngày 19/5/1975 tại: Xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn 4, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông: Hồ Đức C (đã chết); con bà Lê Thị N (đã chết); Gia đình có 07 anh em, bị cáo là con thứ bảy; có vợ là Trần Thị O, sinh năm 1975 (đã ly hôn), vợ hiện tại là Lê Thị M, sinh năm 1990, có 04 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm2022; Tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 01/12/1999, bị Tòa án nhân dân huyện Sông cầu, tỉnh P Yên xử phạt 3 năm tù về tội "Cướp tài sản công dân" theo khoản 1 Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 1985. Ngày 20/3/2002 chấp hành xong áp phạt tù; ngày 02/12/2002 chấp hành xong án phí.

- Ngày 05/3/2009, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, T phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà

có" theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngày 24/8/2009 chấp hành xong án phạt tù; nộp xong án phí ngày 13/8/2009.

- Ngày 20/11/2021, bị Chủ tịch UBND xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện heroin; chấp hành xong ngày 24/01/2022.

Tiền án:

- Ngày 17/3/2015, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngày 20/3/2015, bị bị Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngày 20/5/2015, bị bị Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về "Tội trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tổng hợp hình phạt của 3 bản án là 57 tháng tù. Ngày 06/5/2019, chấp hành xong hình phạt tù; Ngày 07/9/2020 chấp hành xong phần án phí.

- Ngày 30/12/2020, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 08 tháng tù về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngày 21/6/2021chấp hành xong án phạt tù; ngày 22/6/2021 chấp hành xong án phí.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2022 đến nay; có mặt.

2. **Trịnh Văn L**, sinh ngày 06/4/1991 tại: Xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn N, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông: Trịnh Văn D; con bà Trịnh Thị L; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con đầu; có vợ là Nguyễn Thị D, sinh năm 1994 (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2022 đến nay; có mặt.

3. Hà Văn N, sinh ngày 22/4/1995 tại: Xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông: Hà Văn P; con bà Lê Thị N; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; có vợ là Vũ Kiều L, sinh năm 1998 (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2022 đến nay; có mặt.

4. Trần Út C, sinh ngày 03/5/1990 tại: Xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn Cầu, xã Bãi Tranh, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông: Trần Văn T (đã chết); con bà Nguyễn Thị V; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; Chưa có vợ con; Tiền sự: Không;

Nhân thân:

Ngày 08/11/2022, Trần Út C bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương, tỉnh thanh Hoá khởi tố bị can về hành vi "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 01 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tiền án:

Ngày 23/9/2015, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 20 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngày 07/10/2016 chấp hành xong án phạt tù; Trần Út C chưa chấp hành phần án phí dân sự có giá ngạch 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và phần bồi thường dân sự 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2022 đến nay; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Khương Bá C, sinh năm 1994; Vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn Kim Ốc, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Hồ Đắc P, sinh năm 1986; Vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn Quảng Pc, xã X, huyện T, Thanh Hóa.

2. Anh Lê Doãn T, sinh năm 1985; Vắng mặt;

Địa chỉ: Khu 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong các ngày 26 và 27 tháng 9 năm 2022, Công an huyện T đã phát hiện và bắt quả tang 02 vụ mua bán trái phép chất ma túy xảy ra trên địa bàn huyện T:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 17 giờ 30 Pt ngày 26 tháng 9 năm 2022, Tổ công tác Công an huyện T và Công an xã X, huyện T trong khi làm nhiệm vụ tại khu vực nghĩa trang Mã Bái thuộc thôn Thọ Khang, xã X phát hiện Khương Bá C (sinh năm 1994; trú tại thôn Kim Ốc, xã X, huyện T) có biểu hiện nghi vấn sử dụng ma túy nên đã kiểm tra và phát hiện trên người của C 01 (một) gói nhỏ bằng giấy bạc bên trong chứa chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn được niêm phong trong phong bì ký hiệu M, C khai nhận là ma túy loại heroine vừa mua của Hà Văn N ở thôn Đ, xã X, huyện T với giá 500.000 đồng được 02 (hai) gói, vừa sử dụng hết 01 (một) gói còn 01 gói mang về sử dụng thì bị bắt. Thu giữ của Khương Bá C 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu trắng gắn sim số thuê bao 0369.189.576, có số Imei 1: 301014136844872, số Imei 2: 301014136844880.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 thi hành Lệnh hành khám xét khẩn cấp người,

chỗ ở của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đối với Hà Văn N phát hiện và thu giữ:

- 03 (ba) gói nhỏ bằng giấy bạc bên trong chứa chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn tại phòng ngủ của Hà Văn N, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1.

- Số tiền 3.700.000 đồng (ba triệu bảy trăm ngàn đồng) trong ví của Hà Văn N.

- 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu OPPO A5S màu xanh gắn sim số thuê bao 0345.754.798 (BL: 71 - 73; 404).

Tại Cơ quan điều tra, Hà Văn N khai chiều ngày 26 tháng 9 năm 2022 đã bán ma túy cho Khương Bá C với giá 500.000 đồng, số tiền bán ma túy Công an đã thu giữ trong số tiền 3.700.000 đồng. Ma túy do N đi cùng xe máy với Hồ Đắc P (sinh năm 1986; ở thôn Quảng Pc, xã X, huyện T) đến nhà Trịnh Văn L mua vào ngày 26 tháng 9 năm 2022 với giá 400.000 đồng sau đó đem về sử dụng và bán. Về nhà, N cho P một ít ma túy để sử dụng. Do N không nói nên Hồ Đắc P không biết việc N bán ma túy cho người khác.

Căn cứ lời khai của Hà Văn N, ngày 27 tháng 9 năm 2022 Cơ quan điều tra Công an huyện T tiến hành khám xét khẩn cấp người, chỗ ở đối với Trịnh Văn L, phát hiện và thu giữ:

- 01 (một) gói nhỏ bằng giấy màu trắng có dòng kẻ bên trong chứa chất màu trắng ngà dạng cục vụn thu tại ngăn tủ gỗ phòng ngủ, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M2.

- Số tiền 3.845.000 đồng (ba triệu tám trăm bốn lăm ngàn đồng) thu giữ trên người của Trịnh Văn L.

- 02 (hai) điện thoại di động đã qua sử dụng gồm: 01 (một) điện thoại đi động nhãn hiệu REALME 5S màu đỏ gắn sim số thuê bao 0336.534.768; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Nokia 105 màu đen gắn sim số thuê bao 0932.364.871.

Tại Bản kết luận giám định số: 3388/KL-KTHS ngày 03/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận: Chất bột dạng cục vụn màu trắng của phong bì niêm phong ký hiệu M gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,012g loại: Heroine. Các cục vụn màu trắng ngà của phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,091g loại: Heroine. Các cục vụn màu trắng ngà của phong bì niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,180g loại: Heroine.

Tại Cơ quan điều tra, Trịnh Văn L khai nhận chiều ngày 26 tháng 9 năm 2022 đã bán ma túy cho Hà Văn N với giá 400.000 đồng. Số tiền bán ma túy Công an đã thu giữ và nằm trong số tiền 3.845.000 đồng. Về nguồn gốc ma túy, L khai mua của Hồ Đức T ở xã X, huyện T mục đích bán cho người khác kiếm

lời.

Tiến hành test nhanh các chất gây nghiện, kết quả: Hà Văn N, Hồ Đắc P dương tính với ma tuý, loại heroine; Trịnh Văn L âm tính với ma tuý.

Vụ thứ hai:

Khoảng 08 giờ ngày 27 tháng 9 năm 2022, Công an huyện T và Công an xã X, huyện T phát hiện thu giữ bên trong túi áo ngực bên phải của Hồ Đức T 01 (một) gói ni lông màu vàng, bên trong có chứa chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn, tang vật được niêm phong trong phong bì ký hiệu M. Thu giữ trong ví da trên người Hồ Đức T số tiền 11.950.000đ (mười một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng). Tại nhà của Hồ Đức T lúc này còn có Trần Út C (sinh năm 1990; ở thôn Cầu, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa) là giúp việc cho Hồ Đức T và Lê Doãn T (sinh năm 1985; ở khu 1, thị trấn T, huyện T) là người nghiện đến mua ma túy để sử dụng. Thu giữ trên người của Lê Doãn T số tiền 380.000đ (ba trăm tám mươi nghìn đồng).

Tiến hành khám xét khẩn cấp người, chỗ ở của Hồ Đức T thu giữ 06 (sáu) gói ni lông màu vàng, kế tiếp là lớp giấy màu trắng có dòng kẻ, kế tiếp là lớp ni lông màu vàng bên trong đều chứa chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn, được niêm phong trong các phong bì ký hiệu M1, M2. Thu giữ của Hồ Đức T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, vỏ màu xanh, lắp sim số thuê bao: 0705903551; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REDMI NOTE 7, vỏ màu trắng, lắp sim số thuê bao: 0335221665.

Tại Bản kết luận giám định số: 3391/KL-KTHS ngày 03/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì niêm phong ký hiệu M gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 1,325g (một phẩy ba hai lăm gam) loại: Heroine. Chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 1,314g (một phẩy ba một bốn gam) loại: Heroine. Chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 11,764g (mười một phẩy bảy sáu bốn gam) loại: Heroine. Tổng khối lượng ma túy có trong cả 03 phong bì gửi giám định là: 14,403g (mười bốn phẩy bốn không ba gam).

Heroine nằm trong danh mục IA, số thứ tự 09 tại Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính Phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

Quá trình điều tra, Hồ Đức T khai nhận mua ma túy (heroine) của Lê Văn Văn (sinh năm 1962; ở xóm 18, xã Xuân Tín, huyện T, tỉnh Thanh Hóa) mang về nhà cất giấu để sử dụng và bán lại cho người khác kiếm lời. Ngày 20 tháng 9 năm 2022, T bán ma túy cho Trịnh Văn L với giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng), ngày 25 tháng 9 năm 2022 T tiếp tục bán ma túy cho L với giá 600.000đ

(sáu trăm nghìn đồng). Chiều ngày 26 tháng 9 năm 2022, T bán ma túy cho Lê Doãn T (sinh năm 1985; ở khu 1, thị trấn T, huyện T) với giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Sáng ngày 27 tháng 9 năm 2022 T đến nhà T để mua ma túy nhưng chưa kịp mua thì bị Công an bắt quả tang.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Văn Văn, thu giữ tại chỗ ở, trên người của Văn gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, lắp sim số thuê bao: 0367344140; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu xanh, lắp sim số thuê bao: 0987062178; số tiền 37.000.000d (ba mươi bảy triệu đồng); 01 (một) xe máy nhãn hiệu WAVE ALPHA màu sơn đỏ - đen, mang Biển kiểm soát: 66M1 - 381.71 và đăng ký xe. Tại Cơ quan điều tra, Lê Văn Văn không thừa nhận hành vi mua bán ma túy cho Hồ Đức T.

Trần Út C khai nhận: Do có quen biết T từ trước nên khoảng đầu tháng 9 năm 2022 C đến sống và giúp việc nhà cho T. Bản thân C là người nghiện heroin và được T cho ma tuý để sử dụng nên mặc dù biết rõ T bán ma tuý cho các con nghiện nhưng C không can ngăn và tố giác.

Tiến hành test nhanh các chất gây nghiện, kết quả: Hồ Đức T và Trần Út C dương tính với heroine.

- Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

+ Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho Lê Văn Văn số tiền 37.000.000 đồng, 01 xe mô tô biển số 66M1-38.171 cùng đăng ký xe, 01 điện thoại di dộng Nokia gắn sim số thuê bao 0367.344.140, 01 điện thoại di động VIVO gắn sim số thuê bao 0987.062.178; trả lại cho Lê Doãn T số tiền 380.000 đồng do xác định không liên quan đến hành vi phạm tội.

+ Vật chứng của vụ án gồm:

- Toàn bộ bao gói mở niêm phong của phong bì ký hiệu M, M1, M2 và 1,217 gam chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì ký hiệu M; 1, 228 gam chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì ký hiệu M1; 11,164 gam chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì ký hiệu M2. Tất cả được đựng trong phong bì niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của Lê Minh Tiến, Lương Xuân N và các hình dấu của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

- 01 (một) phong bì niêm phong mẫu vật do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành ghi vụ CA T TC 279 ngày 27/9/2022. Mặt sau được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của Lê Minh Tiến, Lương Xuân N và các hình dấu của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

- Số tiền 11.950.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel vỏ màu xanh, gắn sim số thuê bao 0705903551, số Imei 1: 35841410273567, số Imei 2: 358414102923503; 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI NOTE 7 vỏ màu

trắng lắp sim số thuê bao 033.522.1665, số Imei 1: 866542045350000, số Imei 2: 866542045370008 thu giữ của Hồ Đức T;

- Số tiền 3.700.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5S đã qua sử dụng, vỏ màu xanh gắn sim số thuê bao 0345.754.978 thu giữ của Hà Văn N;

- Số tiền 3.845.000 đồng; 01 (một) điện thoại đi động nhãn hiệu REALME 5S màu đỏ gắn sim số thuê bao 0336.534.768; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Nokia 105 màu đen gắn sim số thuê bao 0932.364.871, số Imei 1: 8638000040826694, số Imei 2: 8638000040826686 thu giữ của Trịnh Văn L.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu trắng, đã qua sử dụng gắn sim số thuê bao 0369.189.576, có số Imei 1: 301014136844872, số Imei 2: 301014136844880 thu giữ của Khương Bá C.

Các vật chứng trên hiện đang được bảo quản theo quy định của pháp luật

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKSTX ngày 19/01/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố: Bị cáo Hồ Đức T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b, c, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Trịnh Văn L và Hà Văn N "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Út C về tội "Không tố giác tội phạm" theo quy định tại khoản 1 Điều 390 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Riêng bị cáo T không thừa nhận hành vi bán ma túy cho Lê Doãn T.

Đại diện Viện kiểm sát bổ sung nội dung bản cáo trạng, cụ thể: Bổ sung thêm tình tiết định khung tăng nặng đối với bị cáo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hồ Đức T, Trịnh Văn L và Hà Văn N phạm tội "mua bán trái phép chất ma túy"; Bị cáo Trần Út C phạm tội "không tố giác tội phạm".

Về hình phạt đề nghị:

- Áp dụng: điểm b, c, i, q khoản 2, khoản 5 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hồ Đức T.

+ Xử phạt bị cáo Hồ Đức T từ 10 (mười) năm tù đến 11 (mười một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/9/2022.

Phạt bổ sung bị cáo Hồ Đức T 10.000.000 đ đến 15.000.000 đ.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trịnh Văn L và Hà Văn N.

+ Xử phạt bị cáo Trịnh Văn L từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/9/2022.

+ Xử phạt bị cáo Hà Văn N từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/9/2022.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 390; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Út C.

+ Xử phạt bị cáo Trần Út C từ 07 (bảy) tháng tù đến 10 (mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/9/2022.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo L và N.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng như sau:

Tịch thu tiêu hủy đối với:

- 01 phong bì niêm phong mẫu vật sau giám định do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của Lê Minh Tiến, Lương Xuân N và các hình dấu của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa. Bên trong là toàn bộ bao gói mở niêm phong của phong bì ký hiệu M, M1, M2 và 1,217 gam chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì ký hiệu M; 1,228 gam chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì ký hiệu M1; 11,164 gam chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì ký hiệu M2 là các mẫu vật còn lại sai giám định;
- 01 (một) phong bì niêm phong mẫu vật do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành. Mặt trước phong bì ghi vụ CA T TC 274 ngày 27/9/2022. Mặt sau được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của Lê Minh Tiến, Lương Xuân N và các hình dấu của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa. Bên trong phong bì là toàn bộ bao gói mở niêm phong của các phong bì ký hiệu M, M1, M2 và 0,005 gam chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì ký hiệu M; 0,071 gam chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì ký hiệu M1; 0,165 gam chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì ký hiệu M2 là các mẫu vật còn lại sau giám định.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel vỏ màu xanh, gắn sim số thuê bao 0705903551, số Imei 1: 35841410273567 (điện thoại pin bị phồng, hỏng không hoạt động);
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu trắng, đã qua sử dụng gắn sim số thuê bao 0369.189.576, có số Imei 1: 301014136844872, số Imei 2: 301014136844880 (hiện trạng điện thoại hỏng, thẻ sim không hoạt động).

Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI NOTE 7, đã qua sử dụng, vỏ màu trắng lắp sim số thuê bao 033.522.1665, số Imei 1: 866542045350000, số Imei 2: 866542045370008;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5S đã qua sử dụng, vỏ màu xanh gắn sim số thuê bao 0345.754.978 thu giữ của Hà Văn N; có số Imei 1: 868683047982271, số Imei 2: 868683047982263.

- 01 (một) điện thoại đi động nhãn hiệu REALME 5S màu đỏ gắn sim số thuê bao 0336.534.768; có số Imei 1: 8638000040826694, số Imei 2: 8638000040826686.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 đã qua sử dụng, màu đen gắn sim số thuê bao 0932.364.871, số Imei: 357341089063405;

- Số tiền 400.000 đ trong tổng số tiền thu của bị cáo L và số tiền 500.000 đ trong tổng số tiền thu của bị cáo N.

Truy thu của bị cáo T số tiền 900.000 đ đã bán ma túy cho các đối tượng.

Tiếp tục quy trữ số tiền 11.950.000 đ (mười một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) đã thu của Hồ Đức T để đảm bảo cho việc thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Trịnh Văn L số tiền 3.445.000 đ (ba triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Trả lại cho bị cáo Hà Văn N số tiền 3.200.000 đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chị án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người làm chứng; Biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận giám định, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Riêng bị cáo T không thừa nhận hành vi bán ma túy cho Lê Doãn T, tuy nhiên tại phiên

tòa bị cáo khai nhận quá trình làm việc tại cơ quan điều tra, bị cáo không bị bức cung, nhục hình, bản thân bị cáo cũng không có mâu thuẫn gì với Lê Doãn T. Căn cứ lời khai của bị cáo T và Lê Doãn T có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Hồi 8 giờ ngày 27 tháng 9 năm 2022, Tổ công tác Công an huyện T bắt quả tang Lê Doãn T (trú tại thị trấn T, huyện T) là đối tượng nghiện ma túy đang có mặt tại nhà Hồ Đức T ở thôn 4, xã X, huyện T để mua ma túy. Thu giữ trên người Hồ Đức T 01 (một) gói nhỏ chứa ma túy (loại heroine) có khối lượng 1,325g (một phẩy ba hai lăm gam), khám xét khẩn cấp chỗ ở của T thu giữ 06 gói nhỏ chứa ma túy (loại heroine) có tổng khối lượng 13,078g (mười ba phẩy không bẩy tám gam). Tổng khối lượng ma túy thu giữ trên người và chỗ ở của Hồ Đức T là 14,403g (mười bốn phẩy bốn không ba gam) loại heroine. Quá trình điều tra xác định: ngày 20 tháng 9 năm 2022, Hồ Đức T bán trái phép chất ma túy (heroine) cho Trịnh Văn L lấy 100.000đ (một trăm nghìn đồng); ngày 25 tháng 9 năm 2022 T tiếp tục bán ma túy (heroine) cho L lấy 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng). Sáng ngày 26 tháng 9 năm 2022, T bán ma túy cho Lê Doãn T lấy 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), chiều ngày 26 tháng 9 năm 2022 Lê Doãn T đến nhà T nhưng chưa kịp mua ma túy thì bị bắt quả tang.

Chiều ngày 26 tháng 9 năm 2022, Trịnh Văn L sau khi mua ma túy của Hồ Đức T đã chia nhỏ và bán cho Hà Văn N lấy 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng). Khám xét khẩn cấp nhà của Trịnh Văn L thu giữ 01 (một) gói nhỏ chứa ma túy có khối lượng 0,180g (không phẩy một tám mươi gam) loại: heroine.

Hà Văn N mua ma túy mang về sử dụng và chia nhỏ để bán kiếm lời. Chiều ngày 26 tháng 9 năm 2022, Hà Văn N bán cho Khương Bá C 02 (hai) gói nhỏ ma túy lấy 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). Khám xét khẩn cấp nhà N thu giữ 03 gói nhỏ chứa ma túy có tổng khối lượng 0, 091g (không phẩy không chín một gam) loại: heroine. Khương Bá C mua được 02 gói ma túy từ N và mang ra cánh đồng khu nghĩa trang Mã Bái thuộc thôn Thọ Khang, xã X, huyện T sử dụng hết 01 (một) gói thì bị Công an huyện T bắt quả tang thu giữ trên người 01 (một) gói chứa ma túy có khối lượng 0,012g (không phẩy không một hai gam) loại: heroine.

Đối với Trần Út C là người ở cùng và giúp việc cho Hồ Đức T từ đầu tháng 9 năm 2022 cho đến khi sự việc bị phát giác, được T cho ma túy để sử dụng. Mặc dù biết rõ Hồ Đức T bán ma túy cho người khác nhưng C không ngăn cản và tố giác nên đã phạm vào tội không tố giác tội phạm.

Các bị cáo đều có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Riêng bị cáo T đã bán ma túy cho cả Trịnh Văn L và Lê Doãn T, trong đó bán ma túy cho bị cáo L 02 lần, tổng khối lượng

mua bán là 14,403g (mười bốn phẩy bốn không ba gam), ngoài ra bị cáo đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm" tại bản án số 83/2020/HS-ST ngày 30/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa đến nay chưa được xóa án tích. Do đó, hành vi của bị cáo T đã đủ cấu T tội "mua bán trái phép chất ma túy", theo quy định tại các điểm b, c, i, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; hành vi của các bị cáo L và bị cáo N đã đủ cấu T tội "mua bán trái phép chất ma túy", theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo C đã đủ cấu T tội "không tố giác tội phạm", theo quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật hình sự. Như vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo T có tính chất rất nghiêm trọng, của bị cáo L và bị cáo N là nghiêm trọng và của bị cáo C là ít nghiêm trọng.

[5] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo T, L, N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo C chưa chấp hành phần án phí dân sự có giá ngạch 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và phần bồi thường dân sự 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) tại bản án số 25/2015/HSST ngày 23/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên chưa được xóa án tích vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Các bị cáo L và N đều có nhân thân tốt, bị cáo T có nhân thân xấu, cụ thể: Ngày 01/12/1999, bị Tòa án nhân dân huyện Sông cầu, tỉnh P Yên xử phạt 3 năm tù về tội "Cướp tài sản công dân" theo khoản 1 Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 1985. Ngày 20/3/2002 chấp hành xong áp phạt tù; ngày 02/12/2002 chấp hành xong án phí; Ngày 05/3/2009, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, T phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngày 24/8/2009 chấp hành xong án phạt tù; nộp xong án phí ngày 13/8/2009; Ngày 20/11/2021, bị Chủ tịch UBND xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện heroine; chấp hành xong ngày 24/01/2022. Bị cáo C cũng có nhân thân xấu: Ngày 08/11/2022, bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương, tỉnh thanh Hoá khởi tố bị can về hành vi "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 01 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã T khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, riêng bị cáo T không thừa nhận hành vi bán ma túy cho Lê Doãn T, tuy nhiên xét trong suốt quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã T khẩn khai báo đối với các tình tiết khác của vụ án nên Hội đồng xét xử cho các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo C, sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, cần thiết xem xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở T công dân có ích cho xã hội.

Từ những nhận xét, đánh giá trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tội phạm ma túy đang có diễn biến phức tạp và chiều hướng gia tăng. Ma túy đã gây tác hại to lớn đối với con người và cộng đồng, là nguyên nhân làm mất trật tự, an toàn xã hội, là nguồn gốc phát sinh các tệ nạn xã hội, gia tăng các loại tội phạm khác. Vì vậy, hình phạt đối với tội phạm về ma túy cần phải nghiêm khắc, mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, phòng chống loại tội phạm này. Xét tội phạm mà các bị cáo T, L, N đã thực hiện là rất nghiêm trọng, riêng đối với bị cáo C phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tuy nhiên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm" nên cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa C.

[6] Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét hoàn cảnh các bị cáo L và N đều đã ly hôn vợ và là người lao động tự do, không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Bị cáo T phạm tội với mục đích thu lời bất chính, là đầu mối cung cấp ma túy với khối lượng lớn nhất so với các bị cáo khác trong vụ án nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo mới đảm bảo tính nghiêm minh đối với loại tội phạm này.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án:

[7.1] Đối với các vật chứng:

- 01 phong bì niêm phong mẫu vật sau giám định do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của Lê Minh Tiến, Lương Xuân N và các hình dấu của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa. Bên trong là toàn bộ bao gói mở niêm phong của phong bì ký hiệu M, M1, M2 và 1,217 gam chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì ký hiệu M; 1,228 gam chất bột màu trắng ngà

dạng cục vụn của phong bì ký hiệu M1; 11,164 gam chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì ký hiệu M2 là các mẫu vật còn lại sai giám định;

- 01 (một) phong bì niêm phong mẫu vật do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành. Mặt trước phong bì ghi vụ CA T TC 274 ngày 27/9/2022. Mặt sau được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của Lê Minh Tiến, Lương Xuân N và các hình dấu của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa. Bên trong phong bì là toàn bộ bao gói mở niêm phong của các phong bì ký hiệu M, M1, M2 và 0,005 gam chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì ký hiệu M; 0,071 gam chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì ký hiệu M1; 0,165 gam chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì ký hiệu M2 là các mẫu vật còn lại sau giám định.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel vỏ màu xanh, gắn sim số thuê bao 0705903551, số Imei 1: 35841410273567 (điện thoại pin bị phồng, hỏng không hoạt động);
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu trắng, đã qua sử dụng gắn sim số thuê bao 0369.189.576, có số Imei 1: 301014136844872, số Imei 2: 301014136844880 (hiện trạng điện thoại hỏng, thẻ sim không hoạt động).

Đây xác định là các công cụ phạm tội hoặc đồ vật có liên quan đến vụ án, vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành, hiện không còn giá trị nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[7.2] Đối với các vật chứng:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI NOTE 7, đã qua sử dụng, vỏ màu trắng lắp sim số thuê bao 033.522.1665, số Imei 1: 866542045350000, số Imei 2: 866542045370008;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5S đã qua sử dụng, vỏ màu xanh gắn sim số thuê bao 0345.754.978 thu giữ của Hà Văn N; có số Imei 1: 868683047982271, số Imei 2: 868683047982263.
- 01 (một) điện thoại đi động nhãn hiệu REALME 5S màu đỏ gắn sim số thuê bao 0336.534.768; có số Imei 1: 8638000040826694, số Imei 2: 8638000040826686.
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 đã qua sử dụng, màu đen gắn sim số thuê bao 0932.364.871, số Imei: 357341089063405;

Đều là các công cụ phạm tội hoặc đồ vật có liên quan đến vụ án, đang còn giá trị nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 11.950.000 đ thu giữ của bị cáo T là tiền cá nhân của bị cáo cáo không liên quan đến việc phạm tội, theo quy định được trả lại cho bị cáo nhưng cần tiếp tục quy trữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Đối với số tiền 3.700.000 đ thu giữ của bị cáo N, trong đó có 500.000 đ là tiền bán ma túy cho C, còn lại 3.200.000 đ là tiền cá nhân của bị cáo. Do đó cần tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 500.000 đ và trả lại cho bị cáo 3.200.000 đ.

- Đối với số tiền 3.845.000 đ thu giữ của bị cáo L, trong đó có 400.000 đ là tiền bán ma túy cho N, còn lại 3.445.000 đ là tiền cá nhân của bị cáo. Do đó cần tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 400.000 đ và trả lại cho bị cáo 3.445.000 đ.

Toàn bộ số tang vật trên hiện đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với số tiền bị cáo T đã bán cho bị cáo L 02 lần = 700.000 đ, bán cho Lê Doãn T 01 lần = 200.000 đ. Tổng cộng là 900.000 đ, đây là số tiền thu lời bất chính từ việc bán ma túy nên cần truy thu để sung quỹ Nhà nước.

[8] Về các tình tiết liên quan đến vụ án:

Hồ Đức T khai nhận mua ma túy của Lê Văn Văn, tuy nhiên quá trình điều tra Lê Văn Văn không thừa nhận có hành vi bán ma túy cho Hồ Đức T, Cơ quan điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ để chứng minh Lê Văn Văn có hành vi phạm tội nên không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lê Văn Văn là phù hợp.

Đối với Hồ Đắc P có hành vi dùng xe máy chở Hà Văn N đến nhà Trịnh Văn L mua ma túy và được L cho ma túy sử dụng để trả công. Bản thân Hồ Đắc P không biết N bán ma túy nên không đủ căn cứ để xử lý về hình sự đối P.

Đối với Khương Bá C có hành vi tàng trữ 0,012 gam heroine, không đủ định lượng để khởi tố C về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự nên chuyển Công an huyện T xử phạt hành chính về hành vi này theo quy định tại điểm a, Khoản 02, Điều 23 Nghị định 144/2021/QMĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ là phù hợp.

Đối với Lê Doãn T, Trần Út C, Hồ Đức T, Hà Văn N, Hồ Đắc P có hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý nên chuyển Công an huyện T xử phạt hành chính theo quy định tại khoản 01, điều 23, Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ là phù hợp.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, c, i, q khoản 2, khoản 5 Điều 251; Điều 38; điểm s

khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hồ Đức T.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trịnh Văn L và Hà Văn N.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 390; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Út C.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 , khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Các bị cáo Hồ Đức T, Trịnh Văn L và Hà Văn N phạm tội "mua bán trái phép chất ma túy"; Bị cáo Trần Út C phạm tội "không tố giác tội phạm";

- Xử phạt bị cáo Hồ Đức T 10 (mười) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/9/2022; Phạt bổ sung bị cáo 12.000.000 đ (mười hai triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Văn L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/9/2022.

- Xử phạt bị cáo Hà Văn N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/9/2022.

- Xử phạt bị cáo Trần Út C 08 (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/9/2022.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 phong bì niêm phong mẫu vật sau giám định do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của Lê Minh Tiến, Lương Xuân N và các hình dấu của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa. Bên trong là toàn bộ bao gói mở niêm phong của phong bì ký hiệu M, M1, M2 và 1,217 gam chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì ký hiệu M; 1,228 gam chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì ký hiệu M1; 11,164 gam chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì ký hiệu M2 là các mẫu vật còn lại sai giám định;

- 01 (một) phong bì niêm phong mẫu vật do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành. Mặt trước phong bì ghi vụ CA T TC 274 ngày 27/9/2022. Mặt sau được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của Lê Minh Tiến, Lương Xuân N và các hình dấu của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa. Bên trong phong bì là toàn bộ bao gói mở niêm phong của các phong bì ký hiệu M, M1, M2 và 0,005 gam chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì ký hiệu M; 0,071 gam chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của

phong bì ký hiệu M1; 0,165 gam chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì ký hiệu M2 là các mẫu vật còn lại sau giám định.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel vỏ màu xanh, gắn sim số thuê bao 0705903551, số Imei 1: 35841410273567 (điện thoại pin bị phồng, hỏng không hoạt động);

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu trắng, đã qua sử dụng gắn sim số thuê bao 0369.189.576, có số Imei 1: 301014136844872, số Imei 2: 301014136844880 (hiện trạng điện thoại hỏng, thẻ sim không hoạt động).

Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI NOTE 7, đã qua sử dụng, vỏ màu trắng lắp sim số thuê bao 033.522.1665, số Imei 1: 866542045350000, số Imei 2: 866542045370008;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5S đã qua sử dụng, vỏ màu xanh gắn sim số thuê bao 0345.754.978 thu giữ của Hà Văn N; có số Imei 1: 868683047982271, số Imei 2: 868683047982263.

- 01 (một) điện thoại đi động nhãn hiệu REALME 5S màu đỏ gắn sim số thuê bao 0336.534.768; có số Imei 1: 8638000040826694, số Imei 2: 8638000040826686.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 đã qua sử dụng, màu đen gắn sim số thuê bao 0932.364.871, số Imei: 357341089063405;

- Số tiền 400.000 đ trong tổng số tiền thu của bị cáo L và số tiền 500.000 đ trong tổng số tiền thu của bị cáo N.

Tiếp tục quy trữ số tiền 11.950.000 đ (mười một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) thu giữ của Hồ Đức T để đảm bảo cho việc thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Trịnh Văn L số tiền 3.445.000 đ (ba triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Trả lại cho bị cáo Hà Văn N số tiền 3.200.000 đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Toàn bộ vật chứng hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, theo biên bản giao nhận vật chứng số 26 ngày 10/02/2023.

Truy thu của bị cáo Hồ Đức T số tiền 900.000 đ để sung quỹ Nhà nước.

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Hồ Đức T, Trịnh Văn L, Hà Văn N và Trần Út C mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2

Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Công